

DAY ĐOC HIỂU TẢN VĂN THEO ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI: TRƯỜNG HỢP VĂN BẢN CHUYỆN CƠM HẾN (HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG) (NGŨ VĂN 7, TẬP 1, BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VÀ CUỘC SỐNG)

Trịnh Ngọc Linh, Đặng Thái Ngọc Linh, Nguyễn Thị Thanh Thảo
Khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm TP.HCM

Tóm tắt: Bài viết đề xuất cách dạy đọc hiểu tản văn ở lớp 7 theo đặc trưng thể loại, minh họa qua văn bản Chuyện cơm hến của Hoàng Phủ Ngọc Tường trong sách giáo khoa Ngữ văn 7, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống. Trên cơ sở phân tích đặc trưng tản văn và yêu cầu cần đạt của Chương trình Ngữ văn 2018, bài viết xác lập năm tiêu điểm cần chú trọng trong dạy học đọc hiểu tản văn. Từ đó, bài viết xây dựng một tuyến hoạt động dạy học gồm các bước: xác định bố cục, khám phá chi tiết gắn với món ăn và ẩm thực Huế, nhận diện cái tôi Hoàng Phủ Ngọc Tường, phân tích tính trữ tình và đối thoại với thông điệp về “tinh bảo thủ khẩu vị” như một yếu tố bảo tồn di sản. Mô hình bài học gợi ý cho thấy khả năng chuyển hóa đặc trưng thể loại tản văn thành các hoạt động cụ thể, góp phần phát triển năng lực đọc hiểu và năng lực văn học cho học sinh THCS, đồng thời cung cấp một tài liệu tham khảo cho giáo viên khi triển khai dạy học tản văn theo chương trình mới.

Từ khóa: tản văn, dạy học đọc hiểu văn bản văn học, dạy học theo đặc trưng thể loại, Chương trình Ngữ văn 2018

TEACHING CREATIVE NONFICTION AS A GENRE: A LESSON DESIGN BASED ON HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG’S CHUYỆN CƠM HẾN

Abstract: This article proposes a genre-based approach to teaching the reading of creative nonfiction in Grade 7, illustrated through Hoàng Phủ Ngọc Tường’s Chuyện cơm hến in the Vietnamese Language Arts and Literature 7 textbook (Knowledge Connecting to Life series). Drawing on an analysis of key characteristics of the creative nonfiction together with the learning outcomes prescribed in the 2018 Vietnamese Language Arts and Literature Curriculum, the study identifies five focal points for instruction. On this basis, it develops a lesson sequence that includes: identifying the emotional structure of the text, exploring details related to the dish and Hue cuisine, constructing the author’s persona, analyzing the lyrical quality of the language, and engaging students in dialogue with the text’s message about “conservative taste” as a factor in preserving cultural heritage. The proposed lesson model demonstrates how genre features of the creative nonfiction can be translated into concrete classroom activities that foster students’ reading comprehension and literary competence, while also offering a practical reference for literature teachers implementing the new curriculum.

Keywords: creative nonfiction, Literary reading comprehension, genre-based literature teaching, Vietnam’s 2018 Language Arts and Literature Curriculum

Nhận bài: 25/02/2026

Phản biện: 20/03/2026

Duyệt đăng: 23/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình Ngữ văn (CTNV) 2018 xác định dạy học đọc hiểu (DHH) phải chuyển từ truyền thụ kiến thức tác phẩm sang phát triển NL đọc hiểu và NL văn học, trong đó việc đọc theo đặc trưng thể loại giữ vai trò then chốt. Ở lớp 7, tản văn được đưa vào chương trình như một thể loại kí giàu tính trữ tình, nơi cái tôi người viết, giọng điệu và dòng cảm xúc giữ vị trí trung tâm. Điều này mở ra cơ hội lớn để nuôi dưỡng khả năng cảm thụ tinh tế, suy tư cá nhân và đối thoại với văn bản (VB) của HS, đồng thời đặt ra yêu cầu mới đối với việc thiết kế giờ đọc hiểu trên lớp.

Từ bối cảnh đó, bài viết hướng tới hai mục tiêu: (1) làm rõ một số đặc trưng cốt lõi của thể loại tản văn và yêu cầu cần đạt (YCCĐ) của chương trình mới đối với việc DHH tản văn ở lớp 7; (2) đề xuất định hướng DHH tản văn theo đặc trưng thể loại, được minh họa qua văn bản (VB) Chuyện cơm hến của Hoàng Phủ Ngọc Tường trong sách

giáo khoa (SGK) Ngữ văn 7, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống. Qua đó, bài viết kì vọng cung cấp một gợi ý mang tính mô hình cho việc tổ chức giờ đọc hiểu tản văn theo hướng phát triển NL, đồng thời tạo thêm một nguồn tham khảo cụ thể cho giáo viên (GV) Ngữ văn phổ thông khi tiếp cận thể loại này.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được triển khai theo hướng kết hợp nghiên cứu lí luận với thiết kế sư phạm minh họa. Trước hết, chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích – tổng hợp tài liệu để hệ thống hóa các quan niệm về thể loại tản văn, những đặc trưng cơ bản của kí trữ tình và các yêu cầu cần đạt liên quan đến đọc hiểu tản văn trong CTNV 2018 và SGK Ngữ văn 7, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống. Nguồn tư liệu gồm chương trình, SGK, một số công trình về thể loại kí – tản văn và các nghiên cứu, bài viết về DHH VB văn học ở THCS.

Trên nền tảng đó, bài viết vận dụng phương pháp phân tích giáo dục và thiết kế sư phạm để đề xuất một số gợi ý DHDH tản văn theo đặc trưng thể loại. Cụ thể, chúng tôi lựa chọn VB Chuyện com hén (Hoàng Phủ Ngọc Tường) trong SGK Ngữ văn 7 (tập 1, Bộ Kết nối tri thức) làm trường hợp minh họa, phân tích cấu trúc VB, cái tôi trần thuật, các chi tiết tiêu biểu và thông điệp, từ đó thiết kế các bước hoạt động đọc hiểu phù hợp với mục tiêu NL và điều kiện lớp 7. Các hoạt động được xây dựng trọng tâm ở giai đoạn khám phá, trong đó nhấn mạnh những thao tác gắn với đặc trưng thể loại tản văn.

2.2. Cơ sở của đề xuất

2.2.1. YCCĐ của việc đọc tản văn trong CTNV 2018

CTNV (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018) nêu rõ những YCCĐ sau:

Về đọc hiểu nội dung, HS cần nêu được ấn tượng chung về VB trên cơ sở nhận biết các chi tiết, hình ảnh, sự kiện tiêu biểu, từ đó xác định được đề tài trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận biết được chủ đề và thông điệp mà VB hướng đến người đọc; nhận diện được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua giọng điệu, từ ngữ, hình ảnh; đồng thời tóm tắt lại VB một cách ngắn gọn, đúng trọng tâm, không làm sai lệch cảm hứng chủ đạo.

Về đọc hiểu hình thức, HS cần bước đầu nhận biết được chất trữ tình, cái tôi trần thuật và đặc điểm ngôn ngữ của tùy bút, tản văn, như lối kết cấu theo dòng liên tưởng, sự đan xen giữa kể – tả – bình luận, giọng điệu chủ quan giàu sắc thái cảm xúc.

Ở mức độ liên hệ, so sánh, kết nối, HS có thể nêu được những trải nghiệm của bản thân trong đời sống (những nơi đã đi qua, những con người đã gặp, những tình huống đã trải nghiệm) để hiểu sâu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm, đồng thời soi chiếu, đối thoại với những suy nghĩ và cảm xúc của người viết.

2.2.2. Những yếu tố cần chú ý khi DHDH tản văn theo đặc trưng loại thể

Tham khảo nghiên cứu của Huỳnh Như Phương (2017), Hoàng Thị Duyên (2018), Nguyễn Thị Thanh Huyền (2021), Phạm Thị Thanh Phương (2023), Nguyễn Thị Kiều Hương (2023), chúng tôi cho rằng dạy học thể loại tản văn cần tập trung vào các phương diện sau đây:

Xác định bố cục VB: Hướng dẫn HS nhận ra

cách VB được triển khai thành các phần, đoạn theo một trật tự hợp lý (theo không gian, thời gian, tuyến liên tưởng hay mạch suy tư...), qua đó thấy rõ “đường đi” của cảm xúc và suy nghĩ trong tản văn.

Tìm hiểu những thông tin, chi tiết tiêu biểu: Chú ý những điều mắt thấy tai nghe của người viết về con người đã gặp, cảnh sắc thiên nhiên, di tích lịch sử – kiến trúc, sinh hoạt văn hóa, phong tục, tập quán...; các chi tiết này vừa tạo nên sự sinh động cho VB, vừa hàm chứa dụng ý nghệ thuật, giúp người đọc nắm được những ý nghĩa trọng tâm mà tác phẩm gợi ra.

Tìm hiểu cái tôi: Làm rõ chân dung tinh thần của tác giả thể hiện trong VB – một cái tôi nhẹ nhàng, lặng lẽ hay sôi nổi; tình tế, lịch lãm hay quyết liệt; đang hạnh phúc, ghen ngào, day dứt hay căm giận...; qua đó giúp HS nhận ra tính cá thể hóa rất cao của chủ thể trần thuật trong tản văn.

Xác định tình cảm, cảm xúc của người viết: Hướng dẫn HS nhận biết qua các tín hiệu như từ ngữ chỉ cảm xúc – suy nghĩ, cách tác giả lựa chọn, sắp xếp, nhấn mạnh các chi tiết tiêu biểu, cách ngắt nhịp câu, sử dụng hình ảnh, so sánh, ẩn dụ...; đây là con đường chủ yếu để khám phá chất trữ tình và đặc điểm ngôn ngữ của tản văn.

Rút ra thông điệp của VB: Từ hệ thống chi tiết tiêu biểu và những cảm xúc, suy tư mà người viết bộc lộ trước sự việc, HS cần khái quát được thông điệp tư tưởng – nhân sinh mà VB gợi mở; ở đây quan trọng không chỉ là “nói lại” ý tác giả, mà còn là khả năng đối thoại, liên hệ của người đọc với những giá trị được gửi gắm.

2.2.3. Đặc điểm thể loại tản văn thể hiện trong VB Chuyện com hén (Hoàng Phủ Ngọc Tường), SGK Ngữ văn 7 (tập 1, Bộ Kết nối tri thức)

Có thể xác định Chuyện com hén của Hoàng Phủ Ngọc Tường thuộc thể loại tản văn trên cơ sở những đặc trưng mang tính cấu trúc và diễn ngôn của VB, thay vì chỉ dựa vào nội dung đề tài. Trước hết, VB không được tổ chức theo logic cốt truyện hay chuỗi sự kiện có xung đột – phát triển – kết thúc, mà vận hành theo một mạch triển khai mang tính liên tưởng và suy tư. Sự liên kết giữa các phần không dựa trên quan hệ nhân – quả của hành động, mà dựa trên sự chuyển dịch của trải nghiệm và ý thức chủ thể, từ cảm nhận cụ thể đến những khái quát mang tính văn hóa. Đây là dấu hiệu cơ bản để phân biệt tản văn với các thể loại tự sự.

Thứ hai, VB thể hiện rõ vai trò trung tâm của cái tôi trần thuật – một đặc điểm cốt lõi của tản văn hiện đại. Chủ thể trần thuật không ẩn mình sau câu chuyện mà hiện diện trực tiếp như một điểm quy chiếu của toàn bộ diễn ngôn, nơi các trải nghiệm, cảm xúc và nhận định được phát ngôn một cách cá thể hóa. Cái tôi này không chỉ mang chức năng ghi nhận mà còn tham gia kiến tạo ý nghĩa thông qua việc lựa chọn chi tiết, tổ chức liên tưởng và bộc lộ lập trường, qua đó tạo nên một giọng điệu riêng biệt.

Thứ ba, hệ thống chi tiết trong VB mang tính chất “đời sống hóa” rõ nét, nhưng không nhằm tái hiện hiện thực theo nghĩa mô tả thuần túy. Các yếu tố cụ thể gắn với trải nghiệm cá nhân được huy động như chất liệu để dẫn dắt suy tư, cho phép VB vượt ra khỏi phạm vi của một bài viết giới thiệu hay ghi chép. Nói cách khác, tản văn ở đây vận hành theo cơ chế chuyển hóa từ cái cụ thể sang cái khái quát, từ trải nghiệm cá nhân sang nhận thức có ý nghĩa rộng hơn.

Cuối cùng, VB không khép lại bằng một kết luận mang tính định đề, mà duy trì tính mở trong diễn giải. Ý nghĩa được gợi ra thông qua quá trình triển khai hơn là được tuyên bố trực tiếp, tạo điều kiện cho sự tham gia của người đọc vào việc hoàn tất VB. Chính tính chất không hoàn tất này – nơi nghĩa không bị cố định mà được kích hoạt trong hành vi đọc – là một dấu hiệu quan trọng của tản văn trong bối cảnh hiện đại.

Từ những phương diện trên, có thể thấy Chuyện cơm hén hội tụ đầy đủ các tiêu chí để được nhận diện như một VB tản văn: cấu trúc phi cốt truyện, mạch liên tưởng – suy tư, sự hiện diện đậm nét của cái tôi trần thuật và cơ chế kiến tạo nghĩa mang tính mở. Đây là cơ sở lí luận để định vị VB trong hệ thống thể loại, đồng thời làm nền cho các phân tích và định hướng dạy học ở các phần tiếp theo.

2.3. DHDH VB “Chuyện cơm hén” theo đặc trưng loại thể

Trên cơ sở các tiêu điểm đã xác lập, việc tổ chức đọc hiểu VB Chuyện cơm hén (Hoàng Phủ Ngọc Tường) cần được triển khai theo hướng giúp HS nhận ra cách VB vận hành như một cấu trúc cảm xúc – suy tư. Giáo viên (GV) không chỉ dừng ở việc giúp HS nắm nội dung mà cần hướng dẫn các em nhận diện mối liên hệ giữa chi tiết đời sống, cái tôi trần thuật, hệ thống ngôn ngữ và thông điệp văn hóa trong quá trình kiến tạo nghĩa của VB. Cụ thể như sau:

2.3.1. Nhận diện bố cục VB như một mạch cảm xúc – tư duy

GV cần sử dụng các phương pháp và kĩ thuật như đọc có định hướng, đặt câu hỏi gợi mở, sơ đồ hóa mạch VB nhằm hướng dẫn HS nhận ra cách VB được triển khai theo một mạch liên tưởng và suy tư thay vì theo cốt truyện.

Cụ thể, GV có thể yêu cầu HS xác định các đoạn văn tương ứng với từng bước vận động của ý nghĩ. Ở phần đầu, HS cần nhận ra VB khởi đi từ những quan sát về khẩu vị người Huế, với các chi tiết như “đắng một cách tuyệt vời” hay chuỗi điệp đạt “*cay phỏng miệng, cay xé lưỡi, cay điếc mũi, cay chảy nước mắt...*”. Từ đó, GV hướng dẫn HS phát hiện sự chuyển từ trải nghiệm cá nhân sang nhận xét mang tính khái quát: “*chỉ cách nhau cái đèo Hải Vân thôi mà cách ăn uống của người Huế lạ đời đến thế!*”.

Tiếp theo, GV tổ chức cho HS theo dõi phần trung tâm của VB, nơi các chi tiết về cơm hén được triển khai dày đặc. Thông qua hoạt động thảo luận nhóm, HS cần nhận ra bước chuyển quan trọng khi tác giả khẳng định “*một món ăn đặc sản cũng giống như một di tích văn hóa*”. Đây là điểm đánh dấu sự chuyển hóa từ bình diện âm thực sang bình diện văn hóa.

Ở phần cuối, GV hướng dẫn HS đọc chậm, chú ý đến những chi tiết giàu tính gợi cảm như cảnh ăn cơm hén trong mưa, hình ảnh người bán hàng và phát hiện “*vị thứ mười lăm là lưa*”. Từ đó, HS nhận ra sự lắng đọng của cảm xúc và sự nâng cao ý nghĩa của VB.

Thông qua các thao tác này, HS sẽ nhận diện được bố cục VB như một hành trình từ cảm giác đến nhận thức rồi chiêm nghiệm, qua đó hiểu được đặc trưng vận hành của tản văn.

2.3.2. Khai thác hệ thống chi tiết tiêu biểu

GV cần sử dụng các phương pháp và kĩ thuật như đọc kĩ (close reading), phân loại chi tiết, thảo luận nhóm và đặt câu hỏi phân tầng nhằm hướng dẫn HS nhận ra vai trò của các chi tiết trong việc kiến tạo ý nghĩa.

Trước hết, GV yêu cầu HS tìm và phân tích các chi tiết liên quan đến cảm giác, đặc biệt là vị giác. Những mô tả như “*cay phỏng miệng... cay điếc óc...*” không chỉ nhằm gây ấn tượng mà còn giúp HS hiểu cách tác giả sử dụng ngôn ngữ để tái hiện trải nghiệm cảm giác và qua đó gợi mở đặc điểm văn hóa.

Tiếp theo, GV hướng dẫn HS thống kê các chi tiết vật chất liên quan đến món cơm hến, từ nguyên liệu đến cách chế biến, như “*ớt tương, ruốc sống, bánh tráng nướng, mè rang, da heo rang giòn...*”. Thông qua hoạt động này, HS nhận ra sự phong phú và tinh tế của văn hóa ẩm thực Huế.

Quan trọng hơn, GV cần định hướng HS phát hiện các chi tiết mang tính biểu tượng, chẳng hạn câu nói của người bán hàng “*nói như cậu thì... còn chi là Huế!*” hay chi tiết “*vị thứ mười lăm là lửa*”. GV có thể đặt câu hỏi: những chi tiết này có gì khác với các chi tiết tả thực? Chúng gợi ra ý nghĩa gì vượt lên trên món ăn?

Qua quá trình phân tích, HS sẽ nhận ra rằng các chi tiết trong tản văn không chỉ nhằm miêu tả hiện thực mà còn là phương tiện để chuyển từ cái cụ thể sang cái khái quát, từ trải nghiệm cá nhân đến ý nghĩa văn hóa.

2.3.3. Nhận diện cái tôi trần thuật như trung tâm tổ chức ý nghĩa

GV cần sử dụng các phương pháp và kỹ thuật như đặt câu hỏi định hướng, phân tích vai trò chủ thể trần thuật, so sánh các biểu hiện của cái tôi trong VB nhằm hướng dẫn HS nhận diện cái tôi như một yếu tố trung tâm của tản văn.

Trước hết, GV yêu cầu HS xác định những biểu hiện của cái tôi trải nghiệm qua các chi tiết như “*đi xa nhớ lại thèm đứt sợi tóc*” hay “*ăn một tô cơm hến bằng tất cả tâm hồn*”. Qua đó, HS nhận ra sự gắn bó sâu sắc giữa tác giả và đối tượng được miêu tả.

Tiếp theo, GV hướng dẫn HS phát hiện cái tôi mang tính trí tuệ thông qua các nhận xét, so sánh và khái quát của tác giả, đặc biệt là quan niệm về “*tính bảo thủ khẩu vị*” như một yếu tố văn hóa. Hoạt động này giúp HS hiểu rằng tản văn không chỉ là cảm xúc mà còn là suy tư.

Đồng thời, GV cần làm nổi bật cái tôi tranh biện thông qua những phát biểu như “*tôi rất ghét những lối cải tiến nham như vậy*”. GV có thể yêu cầu HS thảo luận: vì sao tác giả lại sử dụng giọng điệu mạnh như vậy? Điều đó cho thấy lập trường gì?

Thông qua các thao tác này, HS sẽ nhận ra cái tôi trong tản văn là sự kết hợp giữa trải nghiệm, cảm xúc, tư duy và lập trường, qua đó hiểu rõ tính cá thể hóa của chủ thể trần thuật.

2.3.4. Phân tích tình cảm, cảm xúc qua hệ thống tín hiệu ngôn ngữ

GV cần sử dụng các phương pháp và kỹ thuật như phân tích ngôn ngữ, đọc diễn cảm, nhận diện nhịp điệu câu văn và hình ảnh nhằm hướng dẫn HS khám phá cách cảm xúc được mã hóa trong VB.

Trước hết, GV yêu cầu HS xác định các từ ngữ cảm thán và biểu cảm, như “*chao ôi là Huế!*” hay các cấu trúc lặp “*ngon, ngon*”, từ đó nhận ra cách tác giả bộc lộ cảm xúc trực tiếp.

Tiếp theo, GV hướng dẫn HS chú ý đến nhịp điệu câu văn, đặc biệt là các chuỗi liệt kê như “*cay... cay... cay...*”, qua đó nhận ra sự dồn dập của cảm xúc và cường độ trải nghiệm.

Ngoài ra, GV cần giúp HS nhận diện vai trò của khẩu ngữ và từ địa phương như “*tui*”, “*vâng*”, “*cẩn kêu cái rốp*”, qua đó thấy được giọng điệu gần gũi, sinh động của VB. GV có thể yêu cầu HS đọc thành tiếng để cảm nhận rõ hơn hiệu ứng này.

Cuối cùng, GV hướng dẫn HS phân tích các hình ảnh giàu cảm giác như khói, nước mắt, mồ hôi, tiếng rao, từ đó nhận ra cách VB tạo nên một không gian đa giác quan.

Thông qua các hoạt động này, HS sẽ hiểu rằng cảm xúc trong tản văn không chỉ nằm ở nội dung mà còn được thể hiện qua cách tổ chức ngôn ngữ và hình ảnh.

2.3.5. Khái quát thông điệp

GV cần sử dụng các phương pháp và kỹ thuật như khái quát hóa, đặt câu hỏi mở, thảo luận và liên hệ thực tiễn nhằm hướng dẫn HS rút ra thông điệp và tham gia đối thoại với VB.

Trước hết, GV yêu cầu HS tổng hợp các chi tiết và cảm xúc đã phân tích để xác định thông điệp trung tâm của VB, chẳng hạn như quan niệm về việc gìn giữ bản sắc văn hóa và vai trò của sự “*bảo thủ*” trong việc bảo vệ giá trị truyền thống.

Tiếp theo, GV tổ chức cho HS phân tích các tầng nghĩa khác nhau của VB, từ việc trân trọng món ăn truyền thống đến việc bảo vệ bản sắc văn hóa và phê phán sự pha tạp.

Quan trọng hơn, GV cần tạo điều kiện để HS nhận ra những khoảng trống của VB, chẳng hạn như câu hỏi về ranh giới giữa bảo tồn và bảo thủ. GV có thể đặt các câu hỏi như: liệu mọi sự cải tiến đều đáng bị phê phán, hay cần có sự điều chỉnh phù hợp với bối cảnh hiện đại?

Thông qua các hoạt động đối thoại này, HS không chỉ “*nói lại*” ý của tác giả mà còn phát triển khả năng suy nghĩ độc lập và phản biện, qua đó hình thành NL đọc hiểu tản văn một cách sâu sắc.

III. KẾT LUẬN

Trong định hướng đổi mới của CTNV 2018, việc DHDH tản văn theo đặc trưng thể loại không chỉ là yêu cầu kỹ thuật mà gắn trực tiếp với mục tiêu phát triển NL đọc hiểu, NL văn học và khả năng kiến tạo ý nghĩa của HS. Bài viết đã chỉ ra cơ sở lý luận của hướng tiếp cận này, từ YCCĐ của chương trình đến những đặc trưng thi pháp cốt lõi của tản văn và khả năng đáp ứng mục tiêu phát triển năng lực ở cấp THCS.

Trên nền tảng đó, việc phân tích VB Chuyện com hén của Hoàng Phủ Ngọc Tường cho thấy: nếu tổ chức hoạt động đọc hiểu xoay quanh các trục như bố cục như một mạch cảm xúc – tư duy, hệ thống chi tiết tiêu biểu, cái tôi trần thuật, tín hiệu ngôn ngữ – cảm xúc và thông điệp văn hóa,

GV có thể dẫn dắt HS vừa nắm được nội dung, vừa từng bước chiếm lĩnh cách vận hành của thể loại. Các gợi ý thiết kế hoạt động trong bài viết vì thế không nhằm tạo ra một “giáo án mẫu” đóng kín, mà gợi mở một mô hình tổ chức giờ đọc hiểu tản văn linh hoạt, có khả năng thích ứng với nhiều VB khác trong SGK.

Tuy những đề xuất mới dừng lại ở mức minh họa trên một VB cụ thể, kết quả cho thấy hướng DHDH tản văn theo đặc trưng loại thể có tiềm năng góp phần thu hẹp khoảng cách giữa yêu cầu của chương trình mới và thực tiễn lớp học. Việc triển khai thêm các nghiên cứu thực nghiệm, mở rộng sang nhiều VB và ngữ cảnh dạy học khác nhau sẽ là hướng tiếp nối cần thiết để hoàn thiện mô hình và hỗ trợ tốt hơn cho GV Ngữ văn phổ thông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên). (2022). *Ngữ văn 7 (Tập 1, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Langer, J. A. (2011). *Envisioning literature: Literary understanding and literature instruction (2nd ed.)*. Teachers College Press.
- Lê Hồ Quang. (2024). *Vấn đề dạy học đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại*. Văn Nghệ Hội Nhà Văn Việt Nam. <https://vanvn.vn/van-de-day-hoc-doc-hieu-van-ban-theo-dac-trung-the-loai/>
- Hoàng Thị Duyên. (2018). *Nhật ký như một thể loại. [Luận án tiến sĩ]*. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Huỳnh Như Phương. (2017). *Tác phẩm và thể loại văn học*. NXB Đại học Quốc gia TP. HCM.
- Nguyễn Thị Kiều Hương. (2023). Tiếp cận các văn bản tản văn và tùy bút trong sách giáo khoa Ngữ văn 7 dưới góc nhìn thể loại. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ – Đại học Thái Nguyên*, 228(16), 127–134.
- Nguyễn Thị Thanh Huyền. (2021). *Tản văn Việt Nam đầu thế kỷ XXI từ góc nhìn thể loại*. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Phạm Thị Thanh Phương. (2023). Dạy học đọc hiểu tản văn cho HS lớp 7 theo yêu cầu của CTNV 2018. *Vietnam Journal of Education Sciences*. <http://vjes.vnies.edu.vn/vi/day-hoc-doc-hieu-tan-van-cho-hoc-sinh-lop-7-theo-yeu-cau-cua-chuong-trinh-ngu-van-2018>
- Showalter, E. (2003). *Teaching literature*. Blackwell.
- Yandell, J. (2014). *The social construction of meaning: Reading literature in urban English classrooms*. Routledge.